

Ngân hàng

Báo cáo KQKD Q2/23: diễn biến trái chiều

- Tổng LNTT của top 25 ngân hàng niêm yết lớn nhất đạt ~61,6 nghìn tỷ đồng, giảm 3,1% svck trong Q2/23 (tăng trưởng Q2/22 đạt 36,1% svck).
- Tín dụng toàn hệ thống tăng 4,7% sv đầu năm tại cuối Q2/23 – thấp hơn mức tăng 9,4% cuối Q2/22 nhưng đã tăng mạnh sv mức 3,2% cuối T5/23.
- Chất lượng tài sản của ngành ngân hàng vẫn cho thấy dấu hiệu suy giảm, với tỷ lệ NPL toàn ngành tăng lên 2,1% từ 1,9% tại cuối Q1/23.

Tăng trưởng tín dụng: nhu cầu tiêu dùng cho thấy dấu hiệu cải thiện

Tại cuối Q2/23, tín dụng toàn hệ thống tăng 4,7% sv đầu năm – thấp hơn mức tăng 9,4% tại cuối Q2/22, nhưng đã tăng đáng kể từ mức 3,17% tại cuối T5/23. Trong Q2/23, những NH tỷ lệ cho vay cao với ngành BĐS như TCB, HDB cho thấy tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại khi thị trường BĐS vẫn đang trong giai đoạn khó khăn (tăng trưởng tín dụng của TCB và HDB chỉ đạt lần lượt 0,57% và 0,19% sv quý trước). Trong khi đó, các NH có tỷ lệ cho vay bán lẻ cao đạt mức tăng trưởng tín dụng ấn tượng trong Q2/23 (ACB: 5,51%; VIB: 2,19% sv quý trước), cho thấy dấu hiệu hồi phục nhẹ từ nhu cầu tiêu dùng. MBB, với kế hoạch tham gia tái cấu trúc một TCTD yếu kém, cũng đạt mức tăng trưởng tín dụng cao trong Q2/23 (6,49% sv quý trước) cũng như giới hạn tín dụng tốt hơn sv ngành (~24%). Trường hợp tương tự với VPB (tăng trưởng tín dụng đạt 5,0% sv quý trước và ~24% hạn mức cho năm 2023) chủ yếu nhờ thanh khoản dồi dào sau thương vụ bán 15% vốn cho SMBC. Cho nửa cuối năm, bên cạnh dư địa tín dụng còn lại, chúng tôi kỳ vọng những NH có tỷ lệ cao về cho vay bán lẻ như VIB, ACB có nhiều cơ hội để cải thiện tăng trưởng tín dụng khi Việt Nam đang dần bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu. Ngược lại, những NH có tỷ lệ cho vay BĐS cao có thể sẽ gặp khó khăn trong việc mở rộng tín dụng khi TT06/23 (hiệu lực từ T9/23) sẽ giới hạn khả năng tiếp cận vốn của các DN.

Vùng đáy NIM có thể ở quanh mức hiện tại

NIM toàn ngành (từ 25 NH niêm yết lớn nhất) giảm 32 điểm cb svck xuống 3,41% trong Q2/23 với 19/25 ngân hàng ghi nhận mức sụt giảm ở NIM. Trong nhóm các NH vừa và lớn, chỉ có STB, VIB và CTG có thể duy trì mức NIM cao hơn svck. Cụ thể, VIB và CTG đã thành công trong việc tận dụng nguồn vốn liên ngân hàng (có sự sụt giảm mạnh trong Q2/23) khi tỷ lệ vốn liên NH/tổng nguồn vốn của VIB và CTG tăng lần lượt 4,3% và 4,9% svck tại cuối Q2/23. NIM của STB cải thiện mạnh trong 2023 khi không còn áp lực lãi dự thu. Trong khi đó, NIM của VPB, TCB, LPB và TPB tiếp tục giảm mạnh nhất khi thị trường TPDN và BĐS vẫn gặp khó khăn trong vấn đề thanh khoản. CASA toàn ngành cho thấy sự cải thiện từ mức 17,6% tại cuối Q1/23 lên 18,2% tại cuối Q2/23 khi lãi suất tiền gửi giảm liên tục theo 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành. Chúng tôi kỳ vọng chi phí vốn sẽ giảm mạnh hơn khi lần thứ 3 và 4 cắt giảm lãi suất diễn ra vào cuối Q2/23 sẽ có hiệu lực toàn bộ từ nửa cuối 2023 trở đi. Tuy nhiên, chúng tôi không kỳ vọng sự cải thiện ở NIM ngay lập tức khi việc cắt giảm lãi suất vẫn là ưu tiên hàng đầu để thúc đẩy hoạt động kinh tế. Cho nửa cuối năm, chúng tôi kỳ vọng một số NH sở hữu: i) tỷ lệ cho vay cá nhân cao, ii) tỷ lệ LDR thấp và iii) tỷ trọng vốn ngoại tệ trên tổng nguồn vốn thấp sẽ có nhiều cơ hội để cải thiện NIM tốt hơn sv toàn ngành như MBB, VIB

Chất lượng tài sản vẫn cần chú ý

Tỷ lệ nợ xấu của top 25 NH niêm yết lớn nhất tăng lên 2,1% tại cuối Q2/23 từ mức 1,9% tại cuối Q1/23. Theo đó, tỷ lệ LLR cũng suy giảm từ 106% cuối Q1/23 xuống 98% cuối Q2/23. Ngoài ra, tổng giá trị nợ tái cơ cấu theo TT02/23 đạt 62,5 nghìn tỷ tại cuối T6/23, tương đương với 0,5% tổng tín dụng toàn hệ thống (theo số liệu của NHNN). Trước tình hình thị trường BĐS vẫn gặp khó khăn về vấn đề thanh khoản như hiện tại, chúng tôi ưa thích các NHTM với dự phòng vững chắc và danh mục tín dụng lành mạnh. Top 3 NH có tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao nhất bao gồm: VCB (386%), CTG (169%) và MBB (156%).

Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Thị Phương Thanh

thanh.nguyenphuong@vndirect.com.vn

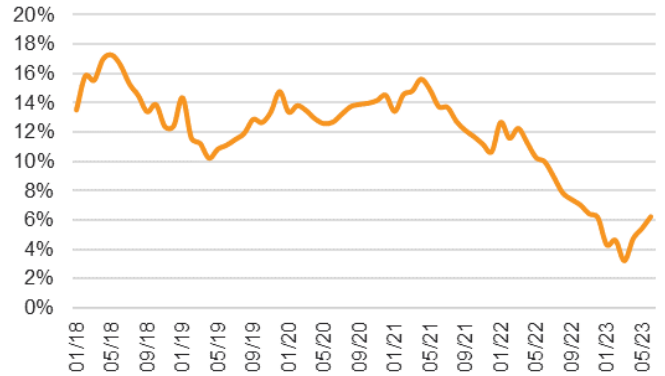
Báo cáo KQKD Q2/23: Diễn biến trái chiều

Hình 1: Tăng trưởng tín dụng svck cho thấy dấu hiệu phục hồi sau khi chạm đáy tại cuối T5/23



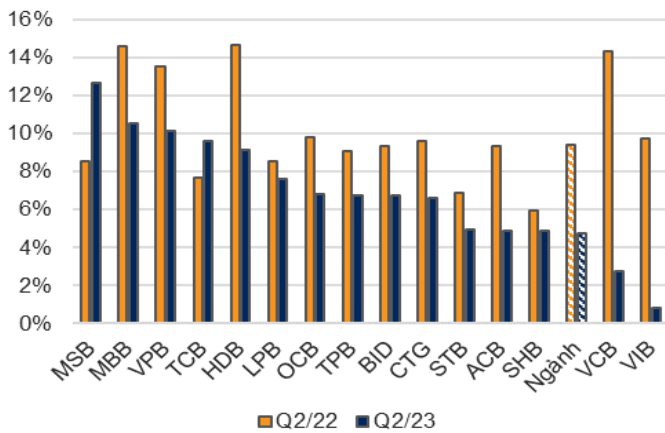
Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 2: Tăng trưởng M2 svck tăng mạnh nhờ chính sách tiền tệ mở rộng của NHNN



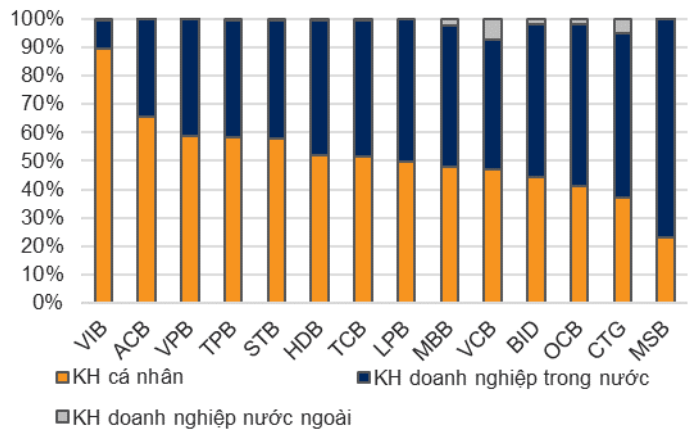
Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 3: Tăng trưởng tín dụng của các NHTM trong Q2/23 (sv đầu năm)



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

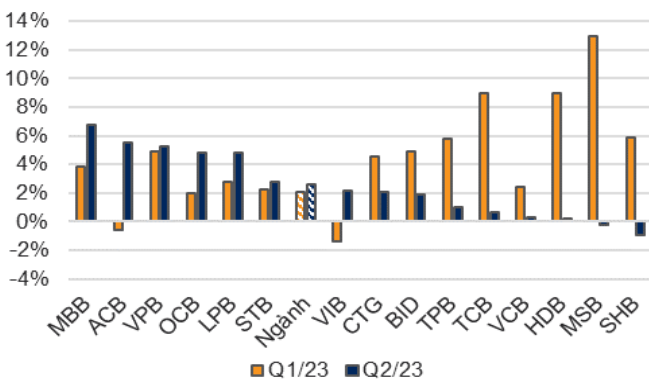
Hình 4: NHTM có tỷ lệ cho vay KH cá nhân cao (như ACB, VIB) ... (Tỷ trọng cho vay phân loại theo KH tại cuối năm 2022)



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

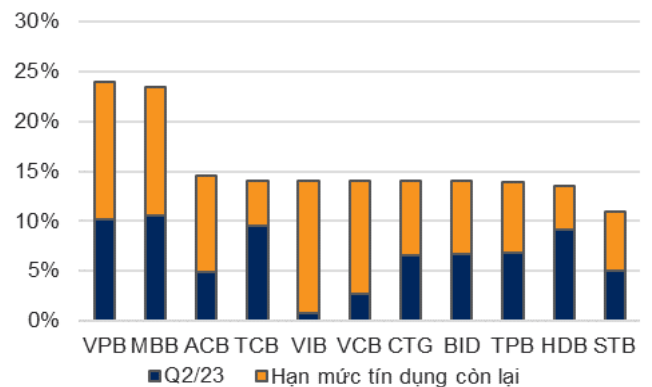
Hình 5: ... ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng dương sv quý trước sau khi đạt mức tăng trưởng âm trong Q1/23

(Tăng trưởng tín dụng sv quý trước)



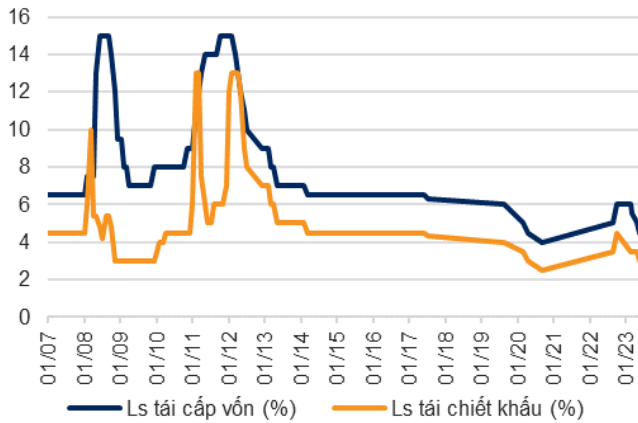
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: Hạn mức tín dụng còn lại của các NHTM trong năm 2023



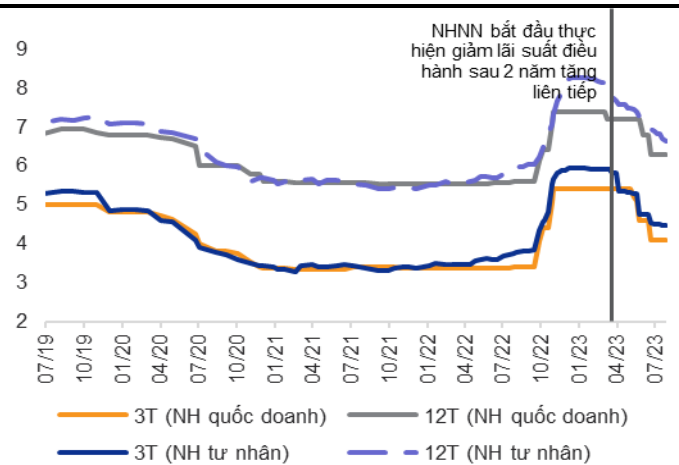
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng bằng việc cắt giảm lãi suất điều hành 2 lần cuối Q2/23



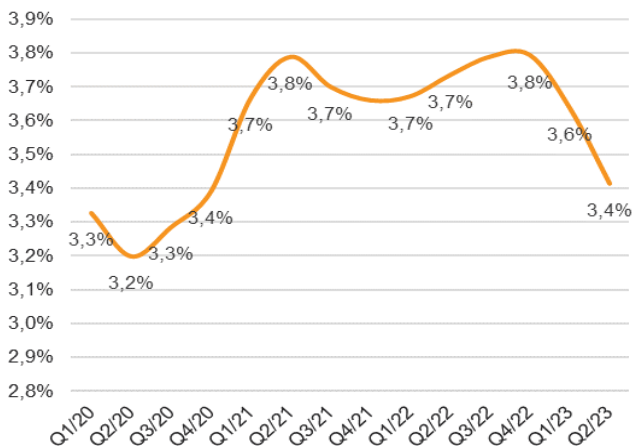
Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: Theo sau đó, tiền gửi của các NHTM ghi nhận mức sụt giảm đáng kể (Đvị: %)



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: NIM toàn ngành (bao gồm 25 NH niêm yết lớn nhất) giảm 32 điểm svck



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: STB, VIB và CTG là một số ít NHTM có thể cải thiện NIM svck

Thay đổi về lợi suất tài sản, chi phí vốn và NIM các NHTM svck trong Q2/23 (Đơn vị: điểm %)

+/-	Lợi suất tài sản	Chi phí vốn	NIM	
	STB	4,2	2,7	1,8
	VIB	2,5	2,5	0,3
	CTG	2,0	1,7	0,1
	OCB	2,4	2,9	(0,1)
	ACB	1,9	2,3	(0,1)
	VCB	1,1	1,5	(0,2)
	HDB	3,1	3,4	(0,3)
	BID	1,5	2,0	(0,3)
	MSB	2,4	2,9	(0,3)
	SHB	2,3	3,0	(0,5)
	MBB	1,3	2,3	(0,7)
	TPB	1,6	2,5	(0,8)
	LPB	1,2	2,7	(1,2)
	TCB	0,9	3,0	(1,9)
	VPB	0,2	2,8	(2,3)

Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

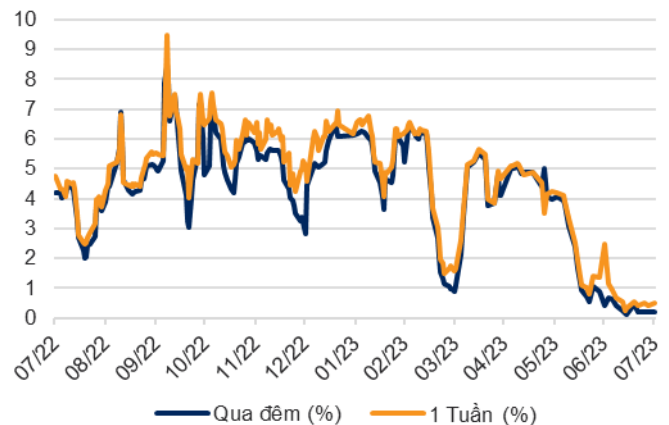
Hình 11: VIB và CTG đã thành công trong việc duy trì chi phí vốn thấp nhờ khai thác nguồn vốn liên ngân hàng...

Thay đổi trong cấu trúc tài sản chịu lãi sv quý trước (Đvị: điểm %)

Liên NH	Nợ từ CP/NHNN	Tiền gửi KH
LPB	5	(4)
CTG	5	(6)
VIB	4	(2)
OCB	3	(1)
ACB	3	(1)
MSB	3	(0)
BID	2	(4)
TPB	2	1
MBB	1	(0)
TCB	0	(2)
VPB	(0)	3
STB	(1)	(0)
SHB	(2)	(0)
VCB	(5)	(4)
HDB	(9)	(10)

Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

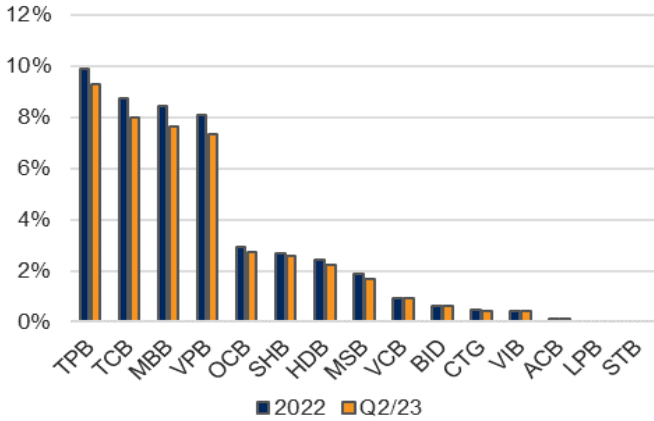
Hình 12: ... có sự sụt giảm mạnh trong Q2/23 nhờ dư thừa thanh khoản trong hệ thống



Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

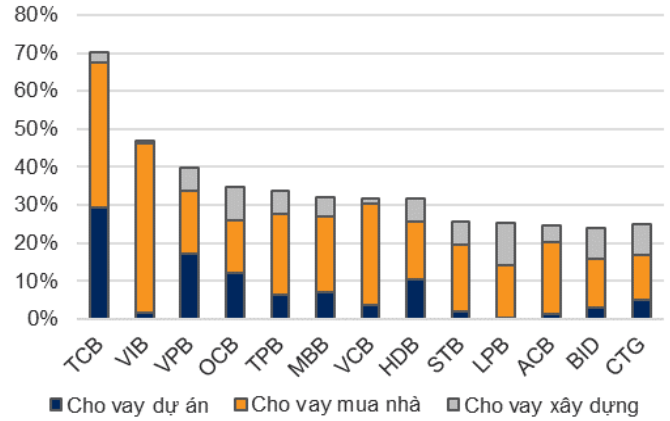
Hình 13: Trong khi đó, NIM của VPB, TCB, và TPB tiếp tục giảm nhiều nhất khi tỷ trọng TPDN/tín dụng vẫn còn cao...

Tỷ trọng TPDN/Tổng tín dụng



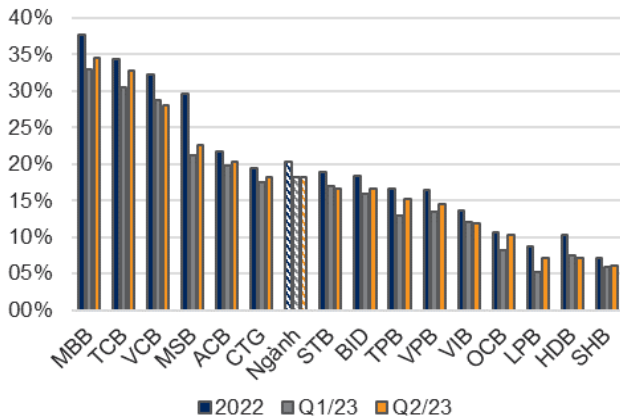
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: ...hoặc có tỷ trọng cho vay DN phát triển BĐS cao khi thị trường này vẫn đang trong giai đoạn khó khăn



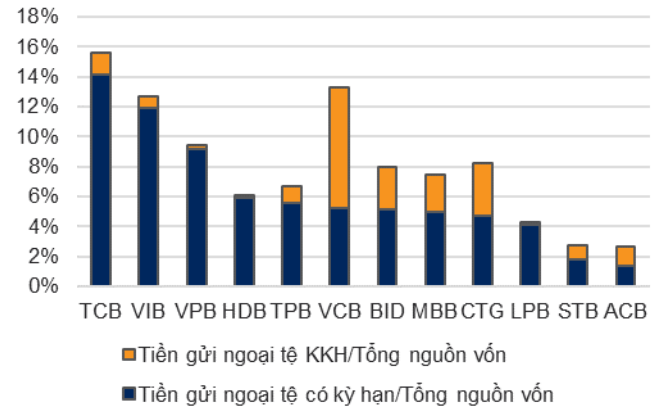
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: Phần lớn các NH có tỷ lệ CASA cải thiện sv quý trước khi lãi suất tiền gửi sụt giảm



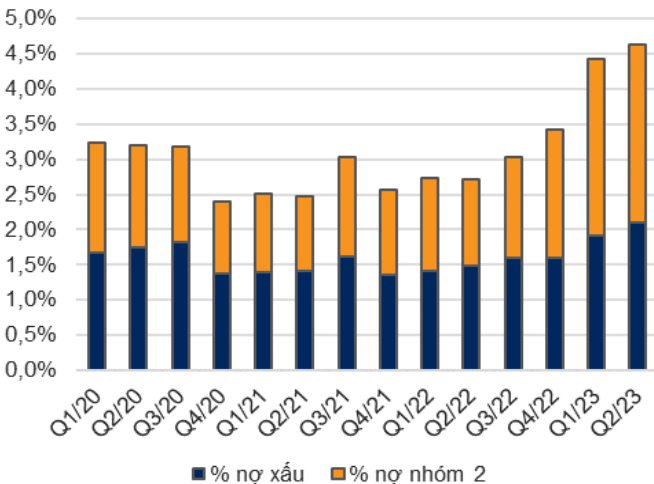
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: % nguồn vốn nước ngoài/Tổng nguồn vốn của các NHTM – dữ liệu tại cuối Q2/23



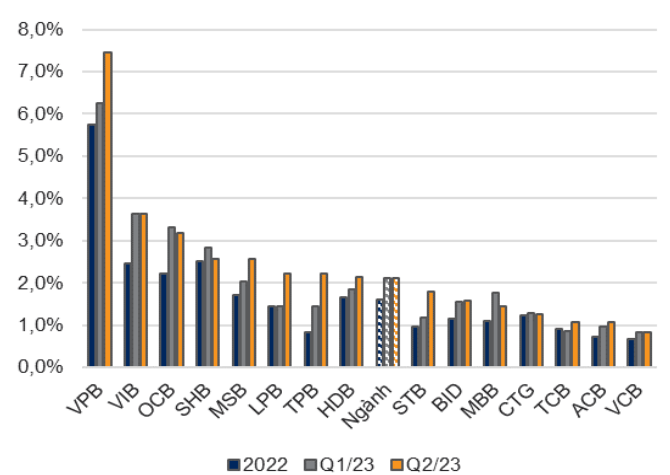
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: Tỷ lệ nợ xấu + nợ nhóm 2 tiếp tục duy trì đà tăng từ Q1/23



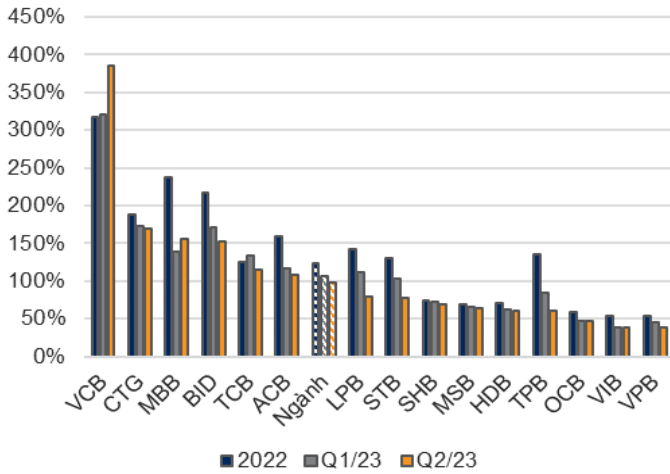
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: Tỷ lệ nợ xấu của mỗi NHTM đều tăng...



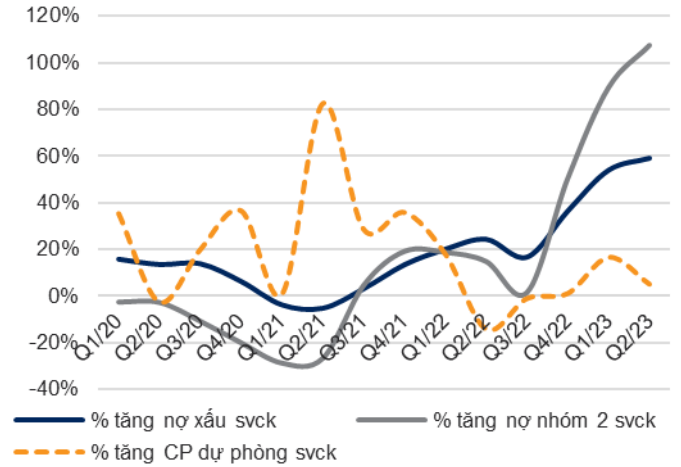
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: ... và tỷ lệ bao phủ nợ xấu hầu như sụt giảm tại cuối Q2/23 (ngoại trừ VCB)



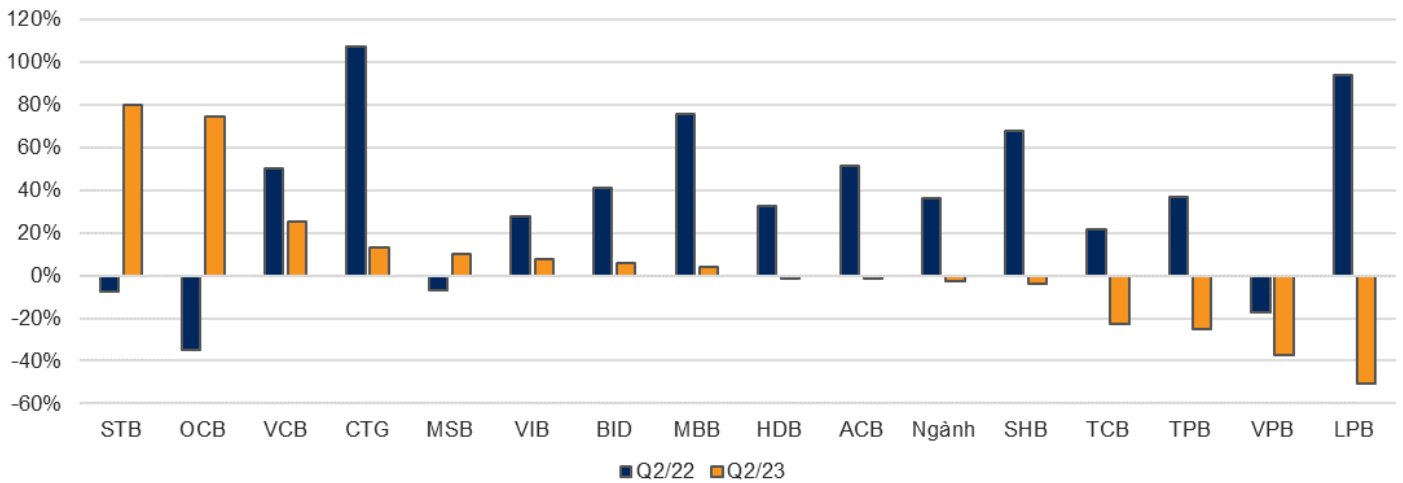
Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 20: Chi phí dự phòng tiếp tục là lo ngại trong nửa cuối 2023 khi tốc độ tăng của nợ xấu và nợ nhóm 2 đã nhanh hơn mức tăng của chi phí dự phòng svck



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 21: LNTT Q2/23 của các NH svck



Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 22: KQKD 6T23 so với kế hoạch của NHTM và dự phóng của VNDIRECT

	LNTT 6T23	LNTT Q2/23	LNTT Q2/22	% svck	% kế hoạch kinh doanh	% dự phóng của VND
CTG	12.531	6.550	5.785	13,2%	53,0%	53,5%
MBB	12.735	6.223	5.987	3,9%	48,7%	51,9%
ACB	9.989	4.832	4.914	-1,7%	49,9%	51,4%
HDB	5.484	2.742	2.776	-1,2%	41,4%	48,1%
VIB	5.642	2.948	2.744	7,4%	46,2%	47,3%
VCB	20.499	9.278	7.423	25,0%	49,9%	47,3%
LPB	2.446	880	1.793	-50,9%	40,8%	42,8%
TCB	11.272	5.649	7.321	-22,8%	51,2%	41,0%
TPB	3.383	1.618	2.165	-25,2%	38,9%	39,6%
VPB	5.162	2.612	4.177	-37,5%	21,5%	29,1%
BID	13.862	6.943	6.570	5,7%	51,7%	n/a
STB	4.755	2.373	1.319	79,9%	50,0%	n/a

Nguồn: NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 23: Thông tư 06/23 có hiệu lực từ T9/23 có thể sẽ giới hạn khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp phát triển BĐS ([link báo cáo](#))

	TT 39/2016	TT06/23 (sửa đổi TT39)	Đánh giá tác động
Bổ sung phương án sử dụng vốn trong hồ sơ cho vay với các khoản vay mua nhà ở	Áp dụng đối với các phương án, dự án thực hiện HĐKD (trừ nhu cầu phục vụ đời sống)	Bổ sung thêm phương án phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở, xây dựng, cải tạo nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở	Quy định mới thiết lập chặt chẽ hơn về mặt quy trình, hồ sơ, kế hoạch trả nợ với các khoản cho vay với mục đích mua nhà để ở so với Thông tư cũ. Điều này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro với ngân hàng nếu có biến động mạnh xảy ra tại thị trường BĐS, tuy nhiên cũng sẽ tác động tiêu cực đến khả năng tăng trưởng tín dụng cho vay mua nhà ở.
	n/a	Để gửi tiền	Ngăn chặn tình trạng cho vay để chứng minh năng lực tài chính của khách hàng vay để đi du học, bảo lãnh, góp vốn thành lập doanh nghiệp, từ đó giúp đảm cải thiện chất lượng tín dụng
Những nhu cầu vốn không được cho vay	n/a	Để thanh toán tiền góp vốn, mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại các công ty chưa niêm yết trên TTCK hoặc chưa đăng ký giao dịch trên Upcom; Để thanh toán tiền góp vốn theo HĐ góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với các dự án đầu tư không đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định	Do các NHTM thường chỉ giám sát lợi tức cố định và mục đích giải ngân của các khoản vay chứ không kiểm soát được tình hình kinh doanh hay nguồn trả nợ của bên nhận vốn góp (đối với các khoản vay để góp vốn), việc hạn chế cho vay với các khoản vay góp vốn sẽ loại bỏ rủi ro của các khoản vay này, cũng như làm giảm nguy cơ tiềm ẩn tăng nợ xấu trong tương lai. Ngoài ra, TT cũng gián tiếp khuyến khích DN thực hiện niêm yết trên TTCK, công bố thông tin đầy đủ.
	n/a	Bù đắp tài chính cho các khoản vay (trừ khi đã được chi trả bằng chính vốn của khách hàng cho các dự án kinh doanh)	Hạn chế trường hợp cho vay để đảo nợ tại các TCTD, đặc biệt với các khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống
Bổ sung kiểm soát việc cho vay với một số mục đích cụ thể trong quy định nội bộ của NHTM	n/a	Bổ sung thêm một số mục đích cụ thể, bao gồm: đầu tư chứng khoán, mua hoặc kinh doanh bất động sản, dự án đầu tư với hình thức đối tác công tư, phục vụ nhu cầu đời sống có giá trị lớn, và qua phương tiện điện tử	Với việc quy định cho vay thắt chặt thêm, chúng tôi cho rằng Thông tư 06 sẽ giúp hướng dòng vốn tín dụng đến phục vụ các dự án/mục đích lành mạnh, mang tính giá trị cao với nền kinh tế, nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng. Tuy nhiên, đi kèm theo đó, TT cũng sẽ làm chậm tăng trưởng tín dụng toàn ngành trong ngắn hạn

Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Nguyễn Tiến Dũng - Trưởng phòng

Email: dung.nguyentien5@vndirect.com.vn

Nguyễn Thị Phương Thanh – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: thanh.nguyenphuong@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>